TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Minh Tư.

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim N - Sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô Thanh H - Sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2019, bản tự khai đề ngày 13 tháng 5 năm 2019, biên bản hòa giải ngày 13 tháng 5 năm 2019, nguyên đơn là bà Nguyễn Kim N (sau đây gọi tắt là bà N) trình bày:

Bà Nguyễn Kim N và ông Ngô Thanh H do cha mẹ xếp đặt nên tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Do không có tình cảm với nhau nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đến năm 2009 thì ông bà đã sống ly thân với nhau cho đến nay mà không thể hàn gắn lại được. Do nhận thấy cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn với nhau được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ *Về con chung*: Bà N và ông H có một người con chung tên là Ngô Nguyễn Khắc D - Sinh ngày: 27 tháng 12 năm 2001 (hiện đang sống chung với ông H); bà Nguyễn Kim N đồng ý để cho ông H được quyền trực tiếp nuôi con, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản:* Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

+ *Về nợ:* Bà N xác định là không có nợ.

- Trong bản tự khai đề ngày 13 tháng 5 năm 2019, biên bản hòa giải ngày 13 tháng 5 năm 2019, bị đơn là ông Ngô Thanh H (sau đây gọi tắt là ông H) trình bày:

Ông H hoàn toàn thống nhất với phần trình bày của bà N về thời gian chung sống, việc không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, thời gian sống ly thân và về con chung. Đối với yêu cầu ly hôn của bà N thì ông H cũng đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Bà N và ông H có một người con chung tên là Ngô Nguyễn Khắc D - Sinh ngày: 27 tháng 12 năm 2001 (hiện đang sống chung với ông H); ông Ngô Thanh H yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản:* Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

+ *Về nợ:* Ông H xác định là không có nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Kim N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với ông Ngô Thanh H, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà N và ông H đều có địa chỉ thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của bà N về việc xin ly hôn đối với ông H Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù bà N và ông H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, nhưng cho đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của ông bà là không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Đối với yêu cầu của bà N, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông H là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thì bà N và ông H thống nhất thỏa thuận với nhau trong trường hợp ly hôn thì ông H được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa ông và bà N là: Ngô Nguyễn Khắc D - Sinh ngày: 27 tháng 12 năm 2001 (Ngô Nguyễn Khắc D cũng có nguyện vọng được sống chung với ông H). Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự là

hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần ghi nhận.

Ông H không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xử lý.

[4] Về chia tài sản: Bà N, ông H thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ: Bà N, ông H xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Kim N và ông Ngô Thanh H.

2/ Về nuôi con chung:

- Giao cho ông Ngô Thanh H được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa ông và bà Nguyễn Kim N là: Ngô Nguyễn Khắc D - Sinh ngày: 27 tháng 12 năm 2001. Ông Ngô Thanh H không yêu cầu bà Nguyễn Kim N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bà Nguyễn Kim N có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp bà Nguyễn Kim N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Ngô Thanh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Nguyễn Kim N.

- Vì lợi ích của con chung, bà Nguyễn Kim N, ông Ngô Thanh H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, bà Nguyễn Kim N, ông Ngô Thanh H có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản: Bà Nguyễn Kim N, ông Ngô Thanh H thống nhất với nhau không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ: Bà Nguyễn Kim N, ông Ngô Thanh H xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000752 ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà Nguyễn Kim N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Bà Nguyễn Kim N, ông Ngô Thanh H có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Bà Nguyễn Kim N (01 bản);
- Ông Ngô Thanh H (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền